

Số: /BC-BVYHCT&PHCN

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 4 năm 2022**

Kính gửi: Sở Y tế Bình Định

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4380/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc hợp nhất Bệnh viện Y học cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng thành Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1654/QĐ-SYT ngày 08/9/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc giao kinh phí để thực hiện hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2021 để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 2184/QĐ-SYT ngày 08/11/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc giao kinh phí chi trả chính sách ưu đãi và kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với bác sĩ, dược sĩ theo chính sách thu hút của tỉnh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-SYT ngày 09/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Căn cứ Quyết định số 2924/QĐ-SYT ngày 30/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Định về việc giao kinh phí chi trả chính sách ưu đãi và kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với bác sĩ, dược sĩ theo chính sách thu hút của tỉnh năm 2022;

Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước Quý 4 năm 2022 cụ thể như sau:

**Chi ngân sách nhà nước:**

Tổng chi ngân sách nhà nước quý năm 2022: 5.174,871 triệu đồng, đạt 48,2 % dự toán năm và đạt 499,2 % so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết các nội dung chi như sau:

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 5.171,871 triệu đồng, đạt 48,2 % dự toán năm và đạt 500,4 % so với cùng kỳ năm trước.

- Chi quản lý hành chính: 3 triệu đồng, đạt 100 % dự toán năm và đạt 100 % so với cùng kỳ năm trước.

*(Chi tiết cụ thể theo Biểu số 03: Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2022 kèm theo quyết định này )*

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2022 của bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Phước Nin**

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng  
Chương: 423

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2022	Thực hiện quý 4 năm 2021	Thực hiện quý 4 năm nay/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>					
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí từ năm trước chuyển sang</b>	-				
1.1	Lệ phí	-	-	-		
1.2	Phí	-				
<b>II</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>					
2.1	Lệ phí					
2.2	Phí					
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>					
3.1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		
<b>IV</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>					
4.1	Lệ phí					
4.2	Phí					
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>10742,877</b>	<b>5174,871</b>	<b>1036,591</b>	<b>48,2%</b>	<b>499,2%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>10742,877</b>	<b>5174,871</b>	<b>1036,591</b>	<b>48,2%</b>	<b>499,2%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3	3	3	100%	100%
-	<i>Kinh phí phòng chống tác hại thuốc lá</i>	3	3	3	100%	100%
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>					
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>10739,877</b>	<b>5171,871</b>	<b>1033,591</b>	<b>48,2%</b>	<b>500,4%</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2291,269		385,000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8448,608	5171,871	648,592	61,2%	797,4%
-	<i>Kinh phí chi trả phụ cấp cấp Ủy Đảng</i>	36	9,387	8,046	26,2%	116,7%
-	<i>Kinh phí ưu đãi, thu hút bác sĩ, dược sĩ (QĐ 34)</i>	548,184	548,184	148,355	100,0%	369,5%
-	<i>Kinh phí phòng chống dịch</i>	7468,036	4614,300	481,190	61,8%	958,9%
	<i>Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế, phần mềm,..</i>	396,6		11,000		
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>					
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>					